ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14643/UBND-CN V/v tham mưu triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	*Nghệ An, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Quyết định số 2082/QĐ-TTg ngày 02/11/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 *(có bản sao gửi kèm theo)*,

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phùng Thành Vinh có ý kiến như sau:

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu nội dung Quyết định nêu trên, nhất là nhiệm vụ giao UBND các tỉnh, thành phố tại khoản 6 Điều 2; rà soát tình hình thực tế, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch và điều kiện của địa phương, bảo đảm đúng quy định./.

Nơi nhận: - Như trên; - CT, các PCT UBND tỉnh; - CVP, các PCVP UBND tỉnh; - Phòng CN; - Lưu: VT, CN(N.A.Tuấn).	**TL. CHỦ TỊCH** **CHÁNH VĂN PHÒNG** **Đặng Thanh Tùng**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2082/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại Tờ trình số 7277/TTr-BCT ngày 11 tháng 9 năm 2026 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là Chiến lược ngành giấy) với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Xác định ngành công nghiệp giấy Việt Nam do người Việt Nam xây dựng và phát triển, với sự nỗ lực của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước; phát huy vai trò định hướng của Nhà nước, điều phối của Bộ Công Thương, các bộ, ngành liên quan và Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam.

2. Ưu tiên kêu gọi đầu tư nước ngoài tập trung đối với những lĩnh vực và sản phẩm bột giấy, giấy chất lượng cao, giấy đặc chủng đòi hỏi công nghệ kỹ thuật cao, vốn đầu tư lớn khi các doanh nghiệp Việt Nam chưa đủ tiềm lực để đầu tư, trong nước chưa sản xuất được đang phải nhập khẩu phù hợp với từng giai đoạn khác nhau.

3. Khẳng định kinh tế tư nhân là động lực quan trọng; áp dụng các cơ chế, chính sách hỗ trợ bình đẳng, tạo môi trường kinh doanh minh bạch để khuyến khích khối doanh nghiệp tư nhân đầu tư phát triển chuỗi sản xuất giấy và bột giấy.

4. Lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm công cụ cốt lõi để nâng cao năng suất; chú trọng nghiên cứu, nhận chuyển giao, làm chủ và nội địa hóa công nghệ lõi nhằm nâng cao giá trị gia tăng, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

5. Phát triển ngành công nghiệp giấy Việt Nam theo định hướng kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, hiện đại, bền vững gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giảm phát thải và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; đầu tư quy mô đủ lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, áp dụng số hóa trong quản trị và bảo trì tự chủ để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm, tập trung nguồn lực xây dựng một số thương hiệu quốc gia với sản phẩm giấy và bột giấy để cạnh tranh hiệu quả trong tiến trình hội nhập quốc tế.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển ngành công nghiệp giấy Việt Nam đồng bộ, hiện đại, đáp ứng toàn diện nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước cả về sản lượng, chất lượng, chủng loại; đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

- Đầu tư các dự án quy mô đủ lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng, giảm thiểu chất thải phát sinh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường theo định hướng kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số đưa ngành công nghiệp giấy Việt Nam trở thành ngành công nghiệp xanh, mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn đến năm 2030:

- Đạt mục tiêu tăng trưởng sản lượng giấy và bột giấy bình quân hàng năm từ 10,0% trở lên, đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng tới xuất khẩu, giảm sự mất cân đối và phụ thuộc vào nhập khẩu; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân tối thiểu 4,0%/năm trong giai đoạn đến năm 2030.

- Quy hoạch, tập trung đầu tư tối thiểu 03 vùng nguyên liệu giấy trọng điểm tại các khu vực: miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, đảm bảo phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu sản xuất bột giấy cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích các doanh nghiệp giấy thiết lập, đầu tư hệ thống thu gom, thu hồi giấy sau sử dụng (giấy phế liệu) trong nước; thực hiện trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ thu hồi giấy sau sử dụng trong nước đạt >60%, giải quyết được nguy cơ thiếu hụt nguồn nguyên liệu cho sản xuất giấy.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư tối thiểu 03 khu công nghiệp giấy

tập trung trọng điểm tại 03 khu vực: Bắc, Trung, Nam để tập trung các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ nhằm tối ưu chi phí đầu tư, chi phí vận hành, tăng khả năng cạnh tranh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mới từ 5 đến 10 nhà máy sản xuất giấy có quy mô trên 250.000 tấn giấy/năm; từ 2 đến 5 nhà máy sản xuất bột giấy có quy mô từ 200.000 tấn bột/năm trở lên; từ 2 đến 5 nhà máy sản xuất giấy chất lượng cao, giấy đặc chủng đòi hỏi công nghệ kỹ thuật cao, vốn đầu tư lớn.

- Từ năm 2026 trở đi, khuyến khích đầu tư các dự án sản xuất bột giấy, giấy bao bì công nghiệp, giấy in, giấy viết thông thường quy mô mỗi dây chuyền $\geq$ 100.000 tấn sản phẩm/năm; các dự án quy mô < 100.000 tấn sản phẩm/năm đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Khuyến khích đầu tư mới các dự án sản xuất giấy tissue có quy mô $\geq$ 10.000 tấn/năm.

- Từ năm 2030, khuyến khích các doanh nghiệp có quy mô công suất nhỏ cơ cấu lại và/hoặc sáp nhập và chuyển vào khu công nghiệp tập trung, cụ thể: với bột giấy, giấy bao bì, giấy in, viết thông thường công suất 01 dây chuyền < 5.000 tấn/năm; từ năm 2040 trở đi hạn chế các dây chuyền sản xuất bột giấy, giấy bao bì, giấy in, viết thông thường công suất 01 dây chuyền < 20.000 tấn/năm, giấy tissue < 5.000 tấn/năm; không giới hạn quy mô với các sản phẩm giấy tráng phủ chất lượng cao và giấy đặc chủng.

b) Tầm nhìn đến năm 2045:

Ngành công nghiệp giấy Việt Nam có công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm, cân đối tự chủ về nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng, phát thải thấp, bảo vệ môi trường, trở thành ngành công nghiệp xanh và phát triển bền vững, đủ sức cạnh tranh với ngành giấy của các quốc gia phát triển trên thị trường trong nước và quốc tế.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Về chủng loại sản phẩm

Khuyến khích, ưu tiên đầu tư các chủng loại sản phẩm thị trường trong nước, quốc tế có nhu cầu lớn và ổn định, sản phẩm có giá trị gia tăng cao mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh: Bột giấy hóa học tẩy trắng/không tẩy trắng, giấy bao bì công nghiệp (giấy lớp sóng, lớp mặt, bìa hộp và giấy tráng phủ), giấy tissue, các chủng loại giấy kỹ thuật, giấy đặc chủng như giấy thấm, giấy bao gói thực phẩm, đồ uống v.v.

2. Về sản lượng sản phẩm

Đến năm 2030, ngành giấy Việt Nam đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước (cả về số lượng và chủng loại sản phẩm) và một phần cho xuất khẩu, dự kiến:

Bảng 1. Dự kiến về sản lượng sản phẩm giấy

STT	Chủng loại sản phẩm	Tổng sản lượng
1	Bột giấy hóa học	Từ 1,0 đến 1,5 triệu tấn/năm
2	Giấy bao bì công nghiệp	Từ 10,0 đến 13,0 triệu tấn/năm
3	Giấy tissue	Từ 1,0 đến 1,2 triệu tấn/năm
4	Giấy văn hóa (in, viết)	Từ 400.000 đến 600.000 tấn/năm
5	Giấy kỹ thuật, giấy đặc chủng	Từ 50.000 đến 120.000 tấn/năm

3. Về địa điểm đầu tư

Ưu tiên đầu tư tại các vùng có điều kiện thuận lợi về nguồn nguyên liệu trọng điểm, hạ tầng giao thông, cảng biển, nguồn cấp điện, nguồn cấp nước sản xuất và khả năng tiếp nhận nước thải, v.v.

Bảng 2. Các địa điểm dự kiến đầu tư mới

STT	Chủng loại sản phẩm	Địa điểm ưu tiên đầu tư
I	**KHU VỰC MIỀN BẮC**	
1	Bột giấy hóa học	Phú Thọ, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Thái Nguyên
2	Giấy bao bì công nghiệp	Bắc Ninh, Hải Phòng, Tuyên Quang, Ninh Bình, Thái Nguyên
3	Giấy tissue	Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lào Cai, Bắc Ninh, Hải Phòng
II	**KHU VỰC MIỀN TRUNG**	
1	Bột giấy hóa học	Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk
2	Giấy bao bì công nghiệp	Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk
3	Giấy tissue	Thanh Hóa, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk
III	**KHU VỰC MIỀN NAM**	
1	Bột giấy hóa học	Không ưu tiên
2	Giấy bao bì công nghiệp	Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, An Giang, Cà Mau

STT	Chủng loại sản phẩm	Địa điểm ưu tiên đầu tư
3	Giấy tissue	Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Cà Mau, Thành phố Cần Thơ

4. Quy mô công suất dự án

Dự án đầu tư mới, ưu tiên cấp phép đầu tư cho các dự án có quy mô công suất dây chuyền từ:

Bảng 3. Dự kiến công suất đầu tư dự án

STT	Chủng loại sản phẩm	Tổng sản lượng
1	Bột giấy hóa học	≥ 200.000 tấn/năm
2	Giấy bao bì công nghiệp	≥ 100.000 tấn/năm
3	Giấy tissue	≥ 10.000 tấn/năm
4	Giấy văn hóa (in, viết)	> 100.000 tấn/năm
5	Giấy đặc chủng, giấy tráng phủ chất lượng cao	Không giới hạn quy mô đầu tư

5. Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu

Phát triển vùng nguyên liệu theo hướng thực tế, có tính đến lợi thế so sánh giữa các địa phương; tận dụng diện tích đất dốc, trống, đồi núi trọc, … Quy hoạch, tập trung đầu tư phát triển tối thiểu 03 vùng nguyên liệu giấy trọng điểm đáp ứng nhu cầu sản xuất bột giấy tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, trong đó:

- Miền Bắc:

+ Vùng 1 tại các tỉnh Lào Cai, Phú Thọ, Tuyên Quang;

+ Vùng 2 tại các tỉnh Bắc Ninh, Quảng Ninh, Lạng Sơn.

- Miền Trung:

+ Vùng 1 tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh;

+ Vùng 2 tại các tỉnh Quảng Trị, Huế;

+ Vùng 3 tại các tỉnh, thành phố Đà Nẵng, Khánh Hòa.

- Tây Nguyên: Gia Lai, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Lâm Đồng.

6. Về công nghệ và thiết bị

- Các dự án đầu tư mới: Đầu tư các dây chuyền, thiết bị tiên tiến, tự động hóa, áp dụng chuyển đổi số, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất, chất

lượng, sức cạnh tranh cho sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, giảm phát thải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; từng bước và tiến đến xóa bỏ công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ, ưu tiên các dự án có các chỉ tiêu tiêu hao như sau:

Bảng 4. Dự kiến tiêu hao năng lượng của dự án

STT	Chủng loại sản phẩm	Các chỉ tiêu tiêu hao		
		Điện (kWh/tấn SP)	**Hơi** (tấn/tấn SP)	**Nước thải** (m^3/tấn SP)
1	Bột giấy hóa học tẩy trắng	-	-	≤ 20
2	Giấy bao bì công nghiệp	≤ 450	$\leq 1,6$	≤ 6
3	Giấy bao bì mặt trắng	≤ 600	$\leq 1,6$	≤ 12
4	Giấy tissue	≤ 750	$\leq 2,5$	≤ 15
5	Giấy văn hóa (in, viết)	≤ 500	$\leq 1,4$	≤ 12

- Đối với các cơ sở sản xuất và dự án hiện có: Khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; thực hiện chuyển đổi số và từng bước tích hợp giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị sản xuất, kiểm soát chất lượng và bảo trì hệ thống. Tập trung cải tiến, nâng cấp hoặc thay thế các thiết bị công nghệ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguyên liệu, năng lượng theo mô hình kinh tế tuần hoàn, bền vững và thực hiện giảm phát thải theo đúng lộ trình cam kết của quốc gia.

7. Về công nghiệp hỗ trợ ngành giấy

- Thu hút và khuyến khích các dự án đầu tư sản xuất hóa chất chuyên dụng, chất trợ gia công và phụ gia ngành giấy; bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Đầu tư, Luật Hóa chất và các quy định pháp luật liên quan.

- Chú trọng nâng cao năng lực và phát triển các đơn vị tư vấn thiết kế, chế tạo cơ khí chuyên ngành, thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị ngành giấy trong nước nhằm từng bước tự chủ công nghệ phụ trợ.

8. Về bảo vệ môi trường

- Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì (EPR) của các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu trong ngành giấy. Hoàn thiện hệ thống phân loại, thu gom và nâng cao tỷ lệ tái chế giấy phế liệu có nguồn gốc từ sinh hoạt và công nghiệp; khuyến khích các lộ trình chuyển đổi từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang nhiên liệu sinh khối (biomass) trong hệ thống lò hơi công nghiệp.

- Định hướng đầu tư mới: Ưu tiên đầu tư mới các dự án sử dụng nguyên liệu tái chế thu hồi, thu gom trong nước; các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, công

nghệ xanh kết hợp thiết kế sinh thái, giảm phát sinh chất thải, giảm phát thải khí CO_2; tuần hoàn, tái sử dụng tối đa chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất làm nguyên vật liệu, nhiên liệu theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các cơ sở sản xuất và dự án hiện có: Vận hành hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; rà soát, nâng cấp công nghệ, thiết bị, công trình bảo vệ môi trường (nếu cần thiết) đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.

9. Về phát triển thị trường và sản phẩm

- Thị trường nội địa: Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thị trường trong nước cả về số lượng, chất lượng và chủng loại.

- Thị trường xuất khẩu: Chủ động nắm bắt, khai thác hiệu quả các cam kết và ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên nhằm mở rộng cơ cấu thị trường, gia tăng kim ngạch xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của thương hiệu giấy Việt Nam.

- Định hướng phát triển sản phẩm: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) các dòng sản phẩm tiên tiến, hàm lượng công nghệ cao; ưu tiên các loại giấy đặc chủng, giấy tráng phủ chất lượng cao thân thiện với môi trường nhằm thay thế các sản phẩm nhựa sử dụng một lần, đón đầu xu hướng tiêu dùng xanh toàn cầu.

10. Về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công nghiệp sản xuất bột giấy và giấy bao gồm cả công nghệ sinh học, công nghệ về nhiên liệu sinh học (biomass) và công nghệ nano, triển khai ứng dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, số hóa và kiểm kê khí nhà kính (tín chỉ các-bon) đối với các nhà máy.

- Nghiên cứu triển khai ứng dụng các giải pháp giảm tiêu hao năng lượng (điện, hơi), phụ gia, hóa chất và nước sạch trong quá trình sản xuất giấy bằng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, tự động hóa và chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vào các lĩnh vực của ngành giấy: Trồng, khai thác bền vững và quản lý cây nguyên liệu gỗ; tự động hóa các thiết bị dây chuyền sản xuất bột giấy, sản xuất giấy, gia công và chế biến sản phẩm giấy; sản xuất các sản phẩm giấy đặc chủng và giấy chất lượng cao; ứng dụng công nghệ số trong thương mại, tiêu thụ sản phẩm giấy, công tác quản lý kho, logistics và nguồn nguyên liệu.

- Nâng cao hiệu quả thu gom, phân loại và tái chế giấy nhằm tiết kiệm tài nguyên rừng, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

11. Về phát triển và đào tạo nguồn nhân lực

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành công nghệ giấy và bột giấy: Rà soát, hiện đại hóa chương trình đào tạo theo hướng cập nhật các xu hướng kỹ thuật mới của thế giới; xây dựng đội ngũ giảng viên và chuyên gia nghiên cứu có trình độ chuyên môn cao; đẩy mạnh mô hình liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học ứng dụng, định hướng nghề nghiệp và tổ chức thực hành thực tế tại các cơ sở sản xuất có công nghệ tiên tiến;

- Phát triển chương trình đào tạo tích hợp liên ngành: Tăng cường bổ sung các học phần và nội dung giảng dạy có tính bổ trợ trực tiếp cho ngành công nghiệp giấy như: Cơ khí chế tạo, tự động hóa, kỹ thuật điện, công nghệ thông tin và giải pháp số hóa hệ thống vận hành.

- Xây dựng mạng lưới kết nối chuyên gia và doanh nghiệp: Kiến tạo môi trường trao đổi học thuật và kinh nghiệm thực tiễn giữa các nhà khoa học, chuyên gia công nghệ, nhà quản lý và khối doanh nghiệp trong ngành; thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo và phát triển công nghệ: Tăng cường liên kết, trao đổi thông tin kỹ thuật, phối hợp đào tạo nhân lực chuyên sâu và chuyển giao công nghệ mới với các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế trong ngành giấy và bột giấy.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển ngành giấy

- Tiến hành xây dựng định hướng phát triển ngành giấy Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư chuyển đổi xanh, phát triển nguyên liệu chất lượng cao hoặc sản phẩm hỗ trợ phục vụ cho phát triển ngành giấy Việt Nam, các dự án đầu tư sản xuất thiết bị cơ khí, hóa chất, phụ gia phục vụ ngành giấy, được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật hiện hành về sản phẩm xanh, công nghệ cao.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hội nghị xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nguồn trong ngành giấy, sản xuất bột giấy công nghệ mới, sản xuất các sản phẩm mới có nguồn gốc tự nhiên, thân thiện môi trường; ưu tiên các dự án đầu tư công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, không gây tác động xấu đến môi trường và kết nối với các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài, hình thành chuỗi liên kết toàn cầu.

- Nhanh chóng xây dựng quy hoạch phát triển vùng trọng điểm rừng trồng nguyên liệu giấy phục vụ sản xuất công nghiệp quy mô lớn, có xét đến lợi thế so sánh giữa các địa phương.

- Nghiên cứu, xây dựng các khu công nghiệp giấy tập trung trọng điểm cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ giảm chi phí đầu tư hạ tầng và xử lý môi trường tập

trung góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, đảm bảo vấn đề môi trường.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ tạo điều kiện để hình thành doanh nghiệp quy mô lớn: Thu hút và xây dựng, ban hành các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án đầu tư quy mô công suất > 200.000 tấn/năm đối với bột giấy từ gỗ và các sản phẩm giấy, bột giấy trong nước chưa sản xuất được.

- Kiến nghị Quốc hội, các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng và sớm ban hành "Luật Khuyến khích sử dụng nguồn tài nguyên tái chế" và sử dụng hiệu quả quỹ bảo vệ môi trường (thu từ EPR) để nâng cao tỷ lệ thu gom, tái chế trong nước, giảm dần việc nhập khẩu giấy phế liệu và phế liệu nói chung làm nguyên liệu sản xuất.

- Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm trong ngành, đặc biệt về thu gom và tái chế giấy. Nghiên cứu hoàn thiện chính sách phát triển ngành nói chung và nhập khẩu nói riêng theo xu hướng của các nước phát triển đối với ngành công nghiệp giấy.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu, đảm bảo đủ nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước, kết hợp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ngành giấy trong việc nhập khẩu hàng hóa làm nguyên liệu sản xuất, đặc biệt trong việc nhập khẩu giấy phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, coi đây là hàng hóa thông thường làm nguyên liệu sản xuất, không phải phế liệu như hầu hết các quốc gia trên thế giới.

- Đa dạng hóa, đẩy mạnh xã hội hóa nguồn vốn bằng các hướng sau: Đẩy nhanh tiến độ cổ phần các doanh nghiệp nhà nước, liên doanh với nước ngoài, thu hút FDI để tạo lập nhiều nguồn vốn với lãi suất ưu đãi cho đầu tư phát triển ngành giấy, tạo điều kiện để ngành giấy tiếp cận với công nghệ hiện đại, công nghệ xanh.

- Phát triển hệ thống vận tải thủy nội địa, cảng biển nói riêng và hệ thống giao thông vận tải nói chung nhằm giảm chi phí vận tải dăm gỗ nói riêng và chi phí vận tải các sản phẩm giấy nói chung.

- Thu hút các dự án đầu tư nước ngoài sản xuất giấy sử dụng công nghệ cao và đầu tư vào các sản phẩm giấy trong nước chưa sản xuất được.

- Tăng cường các cuộc tiếp xúc giữa lãnh đạo Nhà nước với các tập đoàn đa quốc gia có thế mạnh trong lĩnh vực công nghệ lõi, công nghệ chiến lược để xúc tiến kêu gọi đầu tư. Tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư có chiến lược, trọng điểm hướng tới một số thị trường, nhà đầu tư tiềm năng. Đối với các dự án trọng điểm, quan trọng cần cam kết tạo thuận lợi trong việc cấp phép và giải phóng mặt bằng sạch cho nhà đầu tư. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc xây dựng các mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính trong ngành.

- Điều chỉnh các quy định luật pháp để tạo điều kiện triển khai các hoạt động

tái sử dụng/tái chế/cộng sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt đối với các loại chất thải.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành tham gia Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, công nghệ 4.0 nhằm cắt giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động; khuyến khích hoạt động đầu tư và phát triển tại doanh nghiệp.

- Phát triển công cụ sàng lọc đầu tư từ góc độ môi trường, các vấn đề xã hội, và khả năng liên kết chuỗi giá trị để hỗ trợ chính quyền địa phương, ngân hàng và các nhà đầu tư đưa ra quyết định đối với các đề xuất dự án đầu tư vào ngành.

- Tăng cường công tác điều phối phát triển theo vùng, lãnh thổ nhằm nâng cao hiệu quả liên kết vùng góp phần hình thành các cụm liên kết ngành và các chuỗi giá trị trong nước, nhằm tận dụng lợi thế về tích tụ công nghiệp tại một số địa phương, vùng kinh tế.

- Tập trung đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm nhằm tạo thuận lợi cho ngành phát triển, đặc biệt là các hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Cải thiện cảng biển và các dịch vụ logistics để giảm bớt các chi phí logistics và tăng khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam xuất khẩu. Chú trọng các vấn đề như kết nối giao thông; hệ thống nước sạch; hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; hệ thống cấp điện và hệ thống thông tin liên lạc. Quy hoạch xây dựng các khu nhà ở công nhân tại những vị trí phù hợp, hoặc bố trí phương tiện đưa đón công nhân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và thu hút nhân lực từ các địa điểm xa cho ngành.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại rác tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải, giấy phế liệu, bỏ chất thải đúng nơi quy định; xây dựng chính sách quản lý chất thải bao gồm ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải, thu gom, vận chuyển chất thải rắn, giấy phế liệu theo quy định vào chương trình truyền thông, tập huấn tại các cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp ngành, phải di dời vào các khu, cụm công nghiệp như: miễn thuế, giảm giá thuê đất, thuê hạ tầng cơ sở, hỗ trợ tuyển dụng lao động theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Cho phép các trung tâm đào tạo chuyên ngành giấy được hưởng ưu đãi về thuế trong đào tạo ngắn hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm giấy

a) Thị trường xuất nhập khẩu

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp với khách hàng tiềm năng thông qua các hoạt động tham gia hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, đầu tư, phát triển thị trường, kết nối kinh doanh. Tạo mọi điều kiện để nâng cao khả năng mở rộng thị trường của doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thị trường tiêu thụ ở trong và ngoài nước.

- Nâng cao năng lực marketing, tiếp cận khách hàng và thị trường của đội ngũ bán hàng trong các doanh nghiệp ngành giấy. Khuyến khích các doanh nghiệp phối hợp với các nền tảng thương mại điện tử nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong chuỗi cung ứng.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính và thuận lợi hóa thương mại nhằm cắt giảm thời gian và chi phí tuân thủ của các biện pháp phi thuế quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường tập trung vào các khâu từ nhập khẩu đến phân phối, tiêu dùng giúp cho thị trường lành mạnh hơn, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Ban hành và triển khai các chính sách bảo vệ người tiêu dùng và thị trường trong nước thông qua việc áp dụng các biện pháp phi thuế phù hợp. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp yên tâm sản xuất và kinh doanh.

- Cần có chế tài xử lý nghiêm đối với các trường hợp hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ để bảo vệ người tiêu dùng và nhà sản xuất trong nước; có các biện pháp kiểm soát chống gian lận xuất xứ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn về pháp luật thương mại quốc tế, trong đó chú trọng các nội dung về quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại; chuẩn bị kỹ việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật mới của các nước nhập khẩu cho các doanh nghiệp xuất khẩu để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp ngành giấy.

b) Thị trường trong nước

- Đối với các thương hiệu Việt có uy tín trong nước, cần có chiến lược phát triển lâu dài trên cơ sở mở rộng sản xuất để giữ vững và phát triển thị phần, nâng cao năng lực thiết kế, xây dựng thương hiệu, và năng lực cạnh tranh dựa vào chất lượng, thương hiệu, không ngừng cải tiến mẫu mã, đa dạng sản phẩm, củng cố và phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm bảo đảm tin cậy, thuận lợi, uy tín với khách hàng.

- Tổ chức mạng lưới bán lẻ trong nước, đổi mới phương thức tiếp thị xuất khẩu, đồng thời quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm, xây dựng hình ảnh của ngành công nghiệp giấy Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế; triển khai hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

c) Phát triển sản phẩm

- Xúc tiến việc xây dựng các biện pháp kỹ thuật như các tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng đối với sản phẩm nhập khẩu, tiến hành điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp theo đúng quy định pháp luật.

- Chú trọng xây dựng các tiêu chuẩn sản phẩm phù hợp với thông lệ quốc tế

như: mã vạch, tem sản phẩm để chống hàng giả, hàng nhái, hàng gian lận thương mại, hàng nhập lậu.

- Ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc để minh bạch thông tin sản phẩm và hạn chế hàng giả.

3. Phát triển nguồn nhân lực cho ngành giấy

a) Về chính sách lao động và việc làm

- Xây dựng các tiêu chuẩn về việc làm đáp ứng các yêu cầu của Quy tắc kinh doanh có trách nhiệm, phù hợp với thông lệ quốc tế về chuỗi giá trị có trách nhiệm trong ngành.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các quy trình thẩm định chuỗi cung ứng hiệu quả, nâng cao năng lực của ngành và người lao động về các quy chuẩn liên quan đến việc làm bền vững và thẩm định doanh nghiệp, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro môi trường, lao động.

- Xây dựng và triển khai đồng bộ kế hoạch phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đảm bảo cung ứng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh và phát triển của ngành và của các nhà đầu tư.

- Triển khai các công ước quốc tế về lao động mà Việt Nam là thành viên, tạo môi trường để người lao động phát triển kỹ năng nghề, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động hay các quy tắc kinh doanh có trách nhiệm của các chuỗi thị trường cung ứng lao động toàn cầu.

b) Về công tác đào tạo và phát triển kỹ năng

- Tăng cường phổ biến thông tin về nhu cầu lao động trong ngành đặc biệt trước các kỳ tuyển sinh của các cơ sở đào tạo.

- Đẩy mạnh, khuyến khích phát triển các mô hình kết nối, hợp tác giữa Hiệp hội, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo như cập nhật thông tin, tài liệu; đầu tư trang thiết bị nghiên cứu, thực hành nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng của lao động.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng vào các kỹ năng mới cần thiết cho ngành trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, hội nhập quốc tế, các kỹ năng về thiết kế, phát triển sản phẩm, và kết nối các cơ sở đào tạo trong nước với nước ngoài.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp về quản lý sản xuất, quản lý chuỗi giá trị và khách hàng; ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất xanh, sạch, tuần hoàn và năng suất chất lượng.

- Khuyến khích và có cơ chế hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp tự tổ chức

đào tạo lại, cập nhật kỹ năng số, kỹ năng vận hành thiết bị tự động hóa cho lực lượng công nhân và kỹ thuật viên hiện hữu nhằm thích ứng với công nghệ sản xuất tiên tiến.

- Triển khai các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực cho ngành giấy Việt Nam theo các nội dung sau:

+ Mở các lớp đào tạo cán bộ quản lý kinh tế - kỹ thuật, cán bộ pháp chế, cán bộ bán hàng chuyên ngành, cán bộ kỹ thuật của các dự án trọng điểm.

+ Mở các khóa đào tạo về thiết kế và phân tích, kỹ năng quản lý sản xuất, kỹ năng bán hàng (gồm các kỹ năng thiết kế, làm mẫu, bán hàng, kiến thức về tiêu chuẩn môi trường và lao động). Đặc biệt là nguồn nhân lực thương mại điện tử có năng lực triển khai bán hàng trực tuyến, quản lý dữ liệu khách hàng, tiếp thị kỹ thuật số.

+ Liên kết với các tổ chức quốc tế để cử người tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

+ Kết hợp việc đào tạo dài hạn với đào tạo ngắn hạn, kết hợp giữa đào tạo chính quy với đào tạo tại chỗ, kết hợp giữa đào tạo trong nước với việc cử cán bộ ra nước ngoài để đào tạo.

+ Củng cố và mở rộng hệ thống đào tạo chuyên ngành để hoàn thiện cơ sở vật chất cho việc triển khai các lớp đào tạo.

4. Đổi mới khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (in 3D, vật liệu mới, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, số hóa…) trong quá trình quản trị sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành.

- Quan tâm phát triển các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu với sâu bệnh và biến đổi khí hậu; thúc đẩy liên kết giữa các Công ty nguyên liệu giấy với các cơ sở nghiên cứu nhằm đẩy mạnh chuyển giao quy trình sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng công nghệ cao.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích liên kết giữa lực lượng nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ với lực lượng, đơn vị sản xuất kinh doanh, đơn vị đào tạo.

- Xây dựng ban hành các chính sách huy động tiềm lực các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, đẩy nhanh việc xây dựng và thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tập đoàn, Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới giảm tiêu thụ điện, nước và xả thải nhằm giúp doanh nghiệp bù đắp chi phí đầu tư ban đầu, nâng cao năng lực cạnh tranh.

5. Phát triển bền vững và xanh hoá ngành công nghiệp giấy

Tăng cường khả năng giám sát, báo cáo về trách nhiệm trong kinh doanh của ngành, các tác động tích cực đến xã hội, môi trường và khả năng truy xuất (có thể hiển thị trong chuỗi cung ứng), minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển bền vững. Để đạt được các mục tiêu về phát triển bền vững, trong giai đoạn chiến lược tới, cần triển khai các giải pháp sau:

- Cập nhật, phổ biến rộng rãi thông tin về công nghệ mới, xanh, thân thiện môi trường. Hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tiếp nhận và ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện môi trường theo hướng bền vững nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về phát triển bền vững và xanh hoá ngành.

- Rà soát và tham khảo các tiêu chuẩn/yêu cầu quốc tế để thiết lập và cập nhật định kỳ các tiêu chuẩn và định mức của ngành về chất thải, tiêu thụ năng lượng, sử dụng nước, sử dụng vật liệu và hóa chất cho ngành.

- Khuyến khích các thương hiệu lớn đã có mặt tại Việt Nam chia sẻ thông tin, hỗ trợ các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển theo hướng xanh, bền vững.

- Đẩy mạnh các chương trình hợp tác quốc tế về phát triển xanh, phát triển bền vững nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tiếp cận và ứng dụng được các công nghệ xanh, sạch, tiên tiến trong ngành; tổ chức các khoá đào tạo, phổ biến thông tin và nâng cao năng lực về quản lý và kiểm soát các vấn đề về môi trường tại doanh nghiệp (kiểm soát hóa chất, nước, năng lượng tiêu thụ…); nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, chuỗi giá trị minh bạch… phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

- Hỗ trợ các nghiên cứu về vật liệu và hóa chất mới có thể tái tạo hoặc có nguồn gốc tự nhiên để dần thay thế các vật liệu không bền vững trên cơ sở đánh giá vòng đời sản phẩm.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tiếp cận và đạt các chứng chỉ về tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn của các thị trường mục tiêu.

- Hình thành các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật, đơn vị nghiên cứu hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nghiên cứu phát triển; nâng cao tiềm lực cho các trung tâm, phòng thí nghiệm chuyên ngành để có đủ năng lực nghiên cứu, kiểm tra chất lượng sản phẩm được quốc tế công nhận, đặc biệt chú trọng đến các chỉ tiêu an

toàn và sinh thái ngành; trên cơ sở rà soát các phòng thí nghiệm hiện có, xem xét đầu tư phát triển có trọng tâm, trọng điểm một số phòng thí nghiệm chuyên ngành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Để thực hiện tốt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp giấy Việt Nam theo hướng bền vững, tăng giá trị tạo ra trong nước, giao các bộ, ngành, các cấp triển khai đồng bộ các nhiệm vụ sau:

1. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ quan ngang bộ và các địa phương có liên quan triển khai Chiến lược này.

- Xây dựng Chương trình phát triển bền vững ngành công nghiệp giấy Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhằm tháo gỡ "điểm nghẽn" về hóa chất, phụ gia ngành giấy, hỗ trợ hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ 4.0 nhằm tận dụng hiệu quả cao nhất các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết.

- Xây dựng các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư trong và ngoài nước cho ngành công nghiệp giấy, phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chú trọng phát triển thị trường mới, tiếp cận trực tiếp với khách hàng tiềm năng và đa dạng hoá sản phẩm giấy cho xuất khẩu.

- Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp theo hướng hình thành chuỗi giá trị hoàn chỉnh trong nước, phù hợp với các cam kết quốc tế về lao động, môi trường, và phát triển bền vững.

- Tăng cường hoạt động quản lý thị trường, kiểm soát chống gian lận xuất xứ, có chế tài xử lý nghiêm đối với các trường hợp hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ; xây dựng các hàng rào kỹ thuật phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ người tiêu dùng và doanh nghiệp sản xuất trong nước.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án về kết nối kinh doanh theo chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước, tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cơ cấu ngành, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, bảo toàn vốn đầu tư, tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các địa phương trong quá trình xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư vào ngành giấy, đặc biệt là các dự án sử dụng công nghệ xanh, sạch, bền vững; xác định khu vực phù hợp và đối tượng thu hút đầu tư phù hợp để hình thành và phát triển cụm ngành công nghiệp giấy và hoàn thiện chuỗi giá trị ngành giấy để đạt được giá trị gia tăng cao hơn.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường tăng cường công tác bảo vệ môi trường, hoàn thiện chính sách pháp luật, kiểm tra giám sát việc thực thi các quy định pháp luật về môi trường liên quan đến ngành. Tăng cường công tác phát triển các giống cây nguyên liệu giấy có năng suất cao, chất lượng tốt; thúc đẩy liên kết giữa các Công ty nguyên liệu giấy với các cơ sở nghiên cứu nhằm đẩy mạnh chuyển giao quy trình sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng công nghệ cao.

2. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương trong việc thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành, có xét đến đối tượng và khu vực phù hợp; xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư tại các thị trường mục tiêu nhằm tận dụng tốt cơ hội thị trường từ các FTA.

- Chỉ đạo Cục Thống kê bổ sung nội dung xây dựng dữ liệu sử dụng tài nguyên (năng lượng, nước, hóa chất) trong điều tra thống kê doanh nghiệp ngành giấy.

- Thúc đẩy và chi tiết hóa các hướng dẫn tài chính xanh cho các tổ chức tín dụng về các dự án đầu tư áp dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường trong ngành; thúc đẩy hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường tài chính xanh.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chủ trì thẩm định và công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phù hợp và hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế.

- Cập nhật, phổ biến rộng rãi thông tin về công nghệ mới, thân thiện môi trường; phối hợp với các bộ, ngành, các tổ chức quốc tế và địa phương xác định các công nghệ khuyến khích đầu tư làm cơ sở cho việc phê duyệt, thẩm định các dự án đầu tư vào ngành, đặc biệt là những dự án nhạy cảm về vấn đề môi trường.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức đánh giá nhu cầu giấy sau sử dụng (giấy phế liệu) làm nguyên liệu sản xuất; hướng dẫn các dự án, cơ sở sản xuất có nhập khẩu giấy phế liệu làm nguyên liệu sản xuất giảm dần tỷ lệ phế liệu nhập khẩu đáp ứng mục tiêu của Chiến lược.

- Nghiên cứu, đánh giá lại mức độ ảnh hưởng về môi trường của ngành công nghiệp để điều chỉnh các tiêu chí về môi trường cho phù hợp với tình hình thực tế và trình độ khoa học công nghệ hiện nay nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương thu hút đầu tư, phát triển khu, cụm công nghiệp giấy.

- Hướng dẫn thực hiện trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì (EPR) trong ngành giấy; hướng dẫn cơ sở phát thải

khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất giấy thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ và cập nhật hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các địa phương và Hiệp hội liên quan trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra các dự án có xả thải đảm bảo các quy định về môi trường, nước thải công nghiệp. Các khu công nghiệp phải đảm bảo hệ thống xử lý nước thải có chế độ quan trắc tự động kết nối thông tin với cơ quan quản lý môi trường địa phương, không đặt tại các vùng thượng nguồn và xả nước trực tiếp vào các sông có lưu vực khu dân cư rộng lớn.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các bộ, ngành liên quan, các tổ chức phi chính phủ và các hiệp hội ngành hàng, các nhãn hàng lớn đang hoạt động tại Việt Nam xây dựng bộ tiêu chí về Quy tắc kinh doanh có trách nhiệm trong ngành giấy phù hợp với thông lệ quốc tế về chuỗi cung ứng có trách nhiệm trong ngành.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương triển khai nghiên cứu, dự báo nhu cầu lao động trong ngành công nghiệp nói chung và ngành giấy nói riêng nhằm định hướng tuyển sinh và đăng ký ngành nghề đào tạo cho các cơ sở đào tạo; tăng cường phổ biến thông tin về nhu cầu lao động trong ngành giấy đặc biệt trước các kỳ tuyển sinh.

- Nâng cao năng lực hoạch định chính sách về tuân thủ, thanh tra, kiểm tra lao động trong ngành giấy, phối hợp với các tổ chức người sử dụng lao động và người lao động, nhằm đảm bảo điều kiện làm việc an toàn lành mạnh, thúc đẩy quan hệ lao động hài hòa, ổn định và phát triển.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Cụ thể hóa Chiến lược phát triển ngành giấy Việt Nam trên địa bàn tỉnh, thành phố phù hợp với quy hoạch phát triển ngành công nghiệp của địa phương; tham gia với các bộ ngành, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chiến lược và các chương trình liên quan để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nghiên cứu kêu gọi đầu tư xây dựng khu, cụm công nghiệp chuyên ngành giấy phù hợp theo đặc điểm kinh tế của mỗi địa phương, đặc biệt tại một số địa phương có lợi thế về lao động, đang có xu hướng phát triển mạnh về đô thị hoá và dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

7. Các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, Hiệp hội trong lĩnh vực giấy

- Phối hợp với Bộ Công Thương, các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung và triển khai các hoạt động đề ra trong Chiến lược và định hướng phát triển ngành công nghiệp giấy Việt Nam trong giai đoạn của Chiến lược.

- Phối hợp với các thương vụ Việt Nam tại nước ngoài lựa chọn nhà đầu tư tiềm năng, mời gọi đầu tư vào ngành tại các địa phương có chính sách mở cửa đối với đầu tư.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển xanh và phát triển bền vững nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành tiếp cận và ứng dụng công nghệ xanh, sạch, tiên tiến; tổ chức các khoá đào tạo, phổ biến thông tin về quản lý và kiểm soát các vấn đề về môi trường, lao động.

- Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và các Thông tư, Nghị định có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2)14

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc